TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2024/QĐST-HNGĐ	*Văn Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;
Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 16/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị Đàm Thị T, sinh năm 1999
HKTT: thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Chỗ ở hiện nay: thôn B, L, V, Hưng Yên
-Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1997
HKTT/ chỗ ở: thôn V, L, V, Hưng Yên

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày: 01/7/2018
Cháu Nguyễn Bảo Châu A1, sinh ngày 23/10/2023
Cùng HKTT: thôn V, L, V, Hưng Yên

Người đại diện hợp pháp của cháu Phan A là bố đẻ cháu: Anh Nguyễn Hồng S.

Người đại diện hợp pháp của cháu Châu A1 là mẹ đẻ cháu: Chị Đàm Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Hồng S đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 26/3/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 12/2023 đến nay vợ chồng ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị T và anh S đều xác định không còn tình cảm với nhau, không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S.

[2] Về con chung: Chị T và anh S cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 01/7/2018 và cháu Nguyễn Bảo Châu A1, sinh ngày 23/10/2023. Nay ly hôn, chị T và anh S thỏa thuận thống nhất: Anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phan A; chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo Châu A1 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Anh S phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo Châu A1 cho chị T 5.000.000đ/ tháng, thời hạn tính từ tháng 4/2024 đến khi cháu Châu A1 học hết lớp 5. Sau ly hôn chị T và anh S đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của chị T và anh S là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Chị T và anh S cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T và anh S thỏa thuận để chị T nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị T và anh Nguyễn Hồng S đều thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Chị T và anh S cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan A, sinh ngày 01/7/2018 và cháu Nguyễn Bảo Châu A1, sinh ngày 23/10/2023. Ly hôn, chị T và anh S thỏa thuận thống nhất: Anh S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phan A; chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo Châu A1 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Anh S phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo Châu A1 cho chị T 5.000.000đ/ tháng, thời hạn tính từ tháng 4/2024 đến khi cháu Châu A1 học hết lớp 5.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh S không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định này thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau ly hôn chị T và anh S đều được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất nông nghiệp: Chị T và anh S cùng xác nhận không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị T và anh S thỏa thuận: Chị T nộp 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0001317 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Văn Giang;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Văn Giang;
- UBND xã Liên Nghĩa(ĐKKH số 22, ngày 26/3/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN HOÀNG LÂM